

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84) 04 3753 4070 Fax: (84) 04 3753 4070

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 .

**Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà, tiền thân là Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Công ty Vật tư thiết bị - trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 63 TCT/TCLĐ ngày 01/01/1994 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà. Theo Quyết định số 01 TCT/TCLĐ ngày 19/11/1996 Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1 được đổi tên thành Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 thuộc Công ty Xây lắp Vật tư Vận tải Sông Đà 12 kể từ ngày 20/11/1996. Theo Quyết định số 21 TCT/TCĐT ngày 21/03/2002 Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 được đổi tên thành Xí nghiệp Sông Đà 12.1 thuộc Công ty Sông Đà 12. Sau đó Xí nghiệp Sông Đà 12.1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà theo Quyết định số 1156/QĐ - BXD ngày 14/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005151 ngày 19/08/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có sáu lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh:

- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 10 năm 2004;
- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 04 năm 2007;
- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 06 năm 2007;
- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 10 năm 2007;
- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 01 năm 2008;
- Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 06 năm 2010;

Vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu **28.000.000.000** đồng (*Hai mươi tám tỷ đồng chẵn*).
- Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó:

- Tỷ lệ vốn nhà nước: 6,25 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng khác: 93,75 % vốn điều lệ

**Danh sách Cổ đông sáng lập**

STT	Cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1.	Công ty Sông Đà 12 – Tổng Công ty Sông Đà	Tầng 3, Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	175,000
2.	Ninh Mạnh Hồng	Số 10, ngách 495/1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Đã chuyển nhượng hết
3.	18 Cổ đông khác		444,870

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDS.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và đô thị;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***(tiếp theo)*

- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu, sân bay);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa, trạm bơm);
- Xây dựng đường dây tải điện và trạm biến thế;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu, hạ tầng kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Lập tổng dự toán xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Tư vấn lập hồ sơ thầu và lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thẩm tra dự án, thẩm tra thiết kế, thẩm tra tổng dự toán, công trình;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Sản xuất, lắp đặt cửa kính, khung nhôm, cửa cuốn;
- Sản xuất, lắp đặt vách ngăn, trần giả bằng mọi chất liệu, gia công lắp dựng hoa, cửa sắt, lan can inox;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân;
- Kinh doanh khai thác dịch vụ về nhà ở, văn phòng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng karaoke, vũ trường, quán bar)
- Kinh doanh máy móc, nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất (không bao gồm những mặt hàng nhà nước cấm);
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84) 04 3753 4070 Fax: (84) 04 3753 4070

Công ty có một chi nhánh có trụ sở tại số 37B/464 đường Âu Cơ - Nhật Tân - Tây Hồ - Hà Nội là đơn vị phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty. Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của đơn vị này.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Quang Hội	Chủ tịch
Ông Dương Văn Bái	Thành viên
Ông Nguyễn Đại Lưu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Sự	Thành viên
Ông Vũ Văn Thanh	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Dương Văn Bái	Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó giám đốc

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ông Nguyễn Đại Lưu

Phó giám đốc

**Kiểm toán viên**

Báo cáo soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ừng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Công ty Cổ phần Xây lập và Đầu tư Sông Đà**

---

**Dương Văn Báu**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2010*

Số : - 10/BC-TC /II-VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2010

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được lập ngày 26 tháng 07 năm 2010 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

---

**Phạm Hùng Sơn**  
Phó Tổng giám đốc  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0813/KTV*  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Cao Việt Hồng**  
Kiểm toán viên  
*Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1231/KTV*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>348,001,551,670</b>	<b>329,654,630,458</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>97,883,396,630</b>	<b>74,177,964,136</b>
1 Tiền	111		23,179,048,653	3,897,964,136
2 Các khoản tương đương tiền	112		74,704,347,977	70,280,000,000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>955,790,000</b>	<b>1,220,730,000</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121		955,790,000	1,220,730,000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>108,772,185,607</b>	<b>129,661,763,153</b>
1 Phải thu của khách hàng	131	V.2.1	91,964,775,517	120,253,727,784
2 Trả trước cho người bán	132	V.2.2	15,849,203,004	8,904,435,143
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	1,049,867,418	595,260,558
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(91,660,332)	(91,660,332)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>118,043,037,909</b>	<b>108,027,602,021</b>
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	118,043,037,909	108,027,602,021
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22,347,141,524</b>	<b>16,566,571,148</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		117,052,754	38,032,906
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		146,734	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		22,229,942,036	16,528,538,242
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>40,904,627,430</b>	<b>35,825,071,008</b>
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25,263,856,266</b>	<b>23,063,010,778</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	23,496,917,803	21,959,273,365
- Nguyên giá	222		39,917,928,482	36,071,801,781
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,421,010,679)	(14,112,528,416)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	170,832,977	195,832,979
- Nguyên giá	228		500,000,000	500,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(329,167,023)	(304,167,021)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	1,596,105,486	907,904,434
<b>IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13,676,750,000</b>	<b>11,676,750,000</b>
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.	13,676,750,000	11,676,750,000
4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,964,021,164</b>	<b>1,085,310,230</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1,964,021,164	1,085,310,230
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>388,906,179,100</b>	<b>365,479,701,466</b>

(tiếp theo)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>357,264,675,715</b>	<b>349,244,123,733</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>343,760,557,000 -</b>	<b>335,735,133,747</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	143,464,453,429	173,607,668,093
2 Phải trả người bán	312	V.2.3	37,952,925,523	47,058,718,460
3 Người mua trả tiền trước	313	V.2.4	155,291,747,267	108,845,285,600
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	4,598,925,665	4,538,965,293
5 Phải trả người lao động	315		540,400,403	38,711,791
6 Chi phí phải trả	316	V.12.	881,670,613	994,240,494
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	1,030,434,100	650,612,573
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	931,443
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13,504,118,715 -</b>	<b>13,508,989,986</b>
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	13,448,050,307	13,444,810,488
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		56,068,408	64,179,498
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>31,641,503,385</b>	<b>16,235,577,733</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15.</b>	<b>31,641,503,385 -</b>	<b>16,235,577,733</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28,000,000,000	15,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		4,696,730,000	175,000,000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(8,670,149,353)	(4,442,038,048)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2,388,599,191	2,169,378,312
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		704,940,765	485,719,886
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4,521,382,782	2,847,517,583
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>388,906,179,100</b>	<b>365,479,701,466</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
<b>1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.16.</b>	<b>148,494,191,975</b>	<b>130,469,068,108</b>
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	-	309,877,419
<b>3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.18.</b>	<b>148,494,191,975</b>	<b>130,159,190,689</b>
<b>4 Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>VI.19.</b>	<b>138,951,809,965</b>	<b>120,571,684,108</b>
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9,542,382,010</b>	<b>9,587,506,581</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	4,019,389,085	265,468,270
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	6,292,835,701	5,041,841,602
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6,292,835,701</i>	<i>5,041,841,602</i>
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.5	513,337,104	508,350,706
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.6	3,994,241,045	2,271,764,075
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>2,761,357,245</b>	<b>2,031,018,468</b>
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.7	315,578,545	5,000,000
12 Chi phí khác	32	VIII.2.8	137,768,711	-
<b>13 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>177,809,834</b>	<b>5,000,000</b>
<b>14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2,939,167,079</b>	<b>2,036,018,468</b>
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22.	734,791,770	199,529,810
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>17 Lợi nhuận/sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2,204,375,309</b>	<b>1,836,488,658</b>
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,548	1,329

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
			01/01/2010 đến 30/06/2010	01/01/2009 đến 30/06/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		2,939,167,079	2,036,018,468
2. Điều chỉnh cho các khoản			5,225,367,981	6,199,564,274
- Khấu hao tài sản cố định	2		3,050,516,290	1,681,155,542
- Các khoản dự phòng	3		-	(258,280,000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(4,117,984,010)	(265,152,870)
- Chi phí lãi vay	6		6,292,835,701	5,041,841,602
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		8,164,535,060	8,235,582,742
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		15,188,173,752	(21,155,370,063)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10,015,435,888)	(1,672,692,615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		38,100,566,455	3,442,537,867
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(957,730,782)	(1,564,871,102)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(6,292,835,701)	(5,041,841,602)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(345,198,316)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		248,938,835	417,988,972
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(176,239,895)	(65,200,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>43,914,773,520</b>	<b>(17,403,865,801)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,311,177,273)	(1,980,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		122,231,289	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(241,714,347,977)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		237,290,000,000	(3,842,000,000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,000,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		264,940,000	288,195,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,019,389,085	265,152,870
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3,328,964,876)</b>	<b>(5,268,652,130)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		17,521,730,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(4,228,111,305)	(1,351,850,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		135,413,306,167	114,450,441,068
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(165,553,381,012)	(84,450,195,269)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33,920,000)	(776,725,000)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã		Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Đơn vị tính: VND Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	số	TM		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(16,880,376,150)</i>	<i>27,871,670,799</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>23,705,432,494</b>	<b>5,199,152,868</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>74,177,964,136</b>	<b>6,575,492,626</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1.</b>	<b>97,883,396,630</b>	<b>11,774,645,494</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà  
 Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Khắc Thuận

Nguyễn Tiến Mạnh

Dương Văn Báu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà, tiền thân là Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1, là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán phụ thuộc Công ty Vật tư thiết bị - trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 63 TCT/TCLĐ ngày 01/01/1994 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà. Theo Quyết định số 01 TCT/TCLĐ ngày 19/11/1996 Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà 1 được đổi tên thành Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 thuộc Công ty Xây lắp Vật tư Vận tải Sông Đà 12 kể từ ngày 20/11/1996. Theo Quyết định số 21 TCT/TCĐT ngày 21/03/2002 Xí nghiệp Xây lắp vật tư vận tải Sông Đà 12-1 được đổi tên thành Xí nghiệp Sông Đà 12.1 thuộc Công ty Sông Đà 12. Sau đó Xí nghiệp Sông Đà 12.1 được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà theo Quyết định số 1156/QĐ - BXD ngày 14/07/2004 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103005151 ngày 19/08/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có sáu lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh:

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 11 tháng 10 năm 2004;

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 04 năm 2007;

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 22 tháng 06 năm 2007;

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 17 tháng 10 năm 2007;

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 01 năm 2008;

Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 01 tháng 06 năm 2010;

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu: **28.000.000.000** đồng (Hai mươi tám tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó:

Tỷ lệ vốn nhà nước:

6,25 % vốn điều lệ

Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối trọng khác:

93,75 % vốn điều lệ

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SDS.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, xây lắp, sản xuất kinh doanh và dịch vụ tổng hợp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Đầu tư xây dựng khu nhà ở và đô thị;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu, sân bay);
- Xây dựng các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa, trạm bơm);
- Xây dựng đường dây tải điện và trạm biến thế;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu, hạ tầng kỹ thuật công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**

**(tiếp theo)**

- Lập tổng dự toán xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị, khu công nghiệp;
- Tư vấn lập hồ sơ thầu và lựa chọn nhà thầu trong lĩnh vực xây dựng;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Thẩm tra dự án, thẩm tra thiết kế, thẩm tra tổng dự toán, công trình;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Sản xuất, lắp đặt cửa kính, khung nhôm, cửa cuốn;
- Sản xuất, lắp đặt vách ngăn, trần giá bằng mọi chất liệu, gia công lắp dựng hoa, cửa sắt, lan can inox;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân;
- Kinh doanh khai thác dịch vụ về nhà ở, văn phòng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng karaoke, vũ trường, quán bar)
- Kinh doanh máy móc, nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất (không bao gồm những mặt hàng nhà nước cấm);
- Đầu tư sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác và kinh doanh khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84) 04 3753 4070 Fax: (84) 04 3753 4070

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2010 và kết thúc ngày 30/06/2010.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "*Báo cáo bộ phận*" Công ty chưa áp dụng cho kỳ hoạt động này.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán của Tổng Công ty Sông Đà. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

*(tiếp theo)***IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng, được ghi nhận theo hợp đồng và giấy chuyển tiền.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** hàng tồn kho được tính theo giá gốc

*Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:* Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 8
Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	8 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản khác	3 - 4

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu Sông Đà phản ánh số tiền mà Công ty phải trả khi thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty đã tiến hành tính và trích khấu hao cho TSCĐ vô hình theo phương pháp khấu hao đường thẳng trên thời gian khấu hao là 10 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản mua Cổ phiếu CTG, DPM, HPG, VCB, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ thời điểm mua theo khớp lệnh trên sàn Chứng khoán.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Hợp tác xã Phương Đông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Lắp Sông Đà, Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày đầu tư theo hợp đồng và phiếu chi, phiếu chuyển tiền cụ thể

**5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**5.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm và trên một năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hoá đơn. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các Biên bản nghiệm thu, phiếu giá.

**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng trợ cấp mất việc làm của công ty được trích lập bằng 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội theo Quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 về việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực mua trên sàn từng thời điểm khớp lệnh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá như cát, xi măng, thép xây dựng, xây lắp, cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế..., Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, thu cổ tức, hoạt động mua, bán chứng khoán...

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán được ghi nhận bằng số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác (tiền lãi trả chậm BHXH, tiền lãi trả cho công nhân lái xe về khoản tiền đặt cọc).

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Nguyên tắc trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa theo thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế. Theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT – BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

**13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng Công ty, chi phí làm kho xưởng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

**13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

**13.4 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế 5% đối với doanh thu thép xây dựng, 10% đối với doanh thu cho thuê kho và các hợp đồng xây lắp.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo theo quy định ưu đãi tại điều 36, Nghị định 187/2004/NĐ - CP của Chính phủ ngày 16/11/2004 về việc chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty Cổ phần; Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BCTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đăng ký miễn thuế từ ngày 01/01/2005, năm 2010 Công ty đã hết thời hạn miễn giảm thuế TNDN.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Giá vốn xây lắp được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>6,284,370,521</b>	<b>1,239,811,306</b>
Văn phòng Công ty	6,284,049,589	1,236,876,306
Chi nhánh	320,932	2,935,000
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>16,894,678,132</b>	<b>2,658,152,830</b>
Ngân hàng Công thương Ba Đình Hà Nội	10,802,647	83,784,084
Ngân hàng No & PTNT Bắc Hà Nội	4,120,630,768	2,512,623,830
Chi nhánh Ngân hàng Công thương Đống Đa	1,014,626	1,014,626
Ngân hàng No & PTNT huyện Than Uyên - Lai Châu	1,045,333	1,045,333
Ngân hàng Công thương Thành phố Nam Định	73,286,017	42,089,861
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	12,555,265,145	4,978,144
Ngân hàng No & PTNT Hồng Hà	1,951,430	1,951,430
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội	24,204,358	9,016,409
Ngân hàng No & PTNT Bắc Hà Nội ( TK phong toả)	-	1,000,000
Công ty Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương	106,477,808	649,113
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>74,704,347,977</b>	<b>70,280,000,000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	14,600,000,000	4,680,000,000
Tiền gửi ủy thác quản lý vốn Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	65,600,000,000
Tiền gửi tại Công ty tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	60,104,347,977	-
<b>Cộng</b>	<b>97,883,396,630</b>	<b>74,177,964,136</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	955,790,000	1,220,730,000
<i>Cổ phiếu CTG</i>	<i>311,190,000</i>	<i>336,800,000</i>
<i>Cổ phiếu DPM</i>	<i>148,000,000</i>	<i>424,830,000</i>
<i>Cổ phiếu VCB</i>	<i>305,600,000</i>	<i>273,600,000</i>
<i>Cổ phiếu HPG</i>	<i>191,000,000</i>	-
<i>Cổ phiếu khác</i>	-	<i>185,500,000</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>955,790,000</b>	<b>1,220,730,000</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khác	1,049,867,418	595,260,558
<i>Tiền BHXH, BHYT (6%) phải thu người lao động</i>	<i>83,533,123</i>	<i>122,732,223</i>
<i>Phan Phúc Ngân</i>	<i>791,400</i>	<i>2,872,710</i>
<i>Tạ Hải</i>	<i>230,596,774</i>	<i>240,328,774</i>
<i>Công ty Liên doanh - 89 Nguyễn Khuyến</i>	<i>111,761,546</i>	<i>111,761,546</i>
<i>Chu Văn Công - Công trình khẩn quàng đở</i>	<i>11,330,127</i>	<i>11,310,170</i>
<i>Nguyễn Văn Đông - Công ty Bình Điền</i>	<i>19,838,243</i>	<i>19,838,243</i>
<i>Tiền vật tư cấp nội bộ</i>	<i>583,636,000</i>	-
<i>Quỹ khen thưởng</i>	<i>8,380,205</i>	-
<i>Đối tượng khác</i>	-	<i>86,416,892</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,049,867,418</b>	<b>595,260,558</b>
<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	3,034,866,945	4,526,421,695
Công cụ, dụng cụ	753,693	753,693
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115,007,417,271	103,500,426,633
<i>Công trình Hoàn thiện Nhà máy Thủy điện Tuyên Quang</i>	<i>2,275,143,697</i>	-
<i>Công trình Thủy điện Nậm Mỡ</i>	<i>7,827,768,888</i>	<i>8,990,990,740</i>
<i>Công trình Nhà khách Kim Bình</i>	<i>247,320,459</i>	<i>193,548</i>
<i>Công trình Đường vào mỏ cát - Tuyên Quang</i>	-	<i>7,448,038</i>
<i>Công trình Khai thác cát Na Hang</i>	<i>2,309,308,653</i>	<i>1,833,489,350</i>
<i>Công trình Đường nội bộ mỏ soi rĩa - Tuyên Quang</i>	-	<i>12,769,772</i>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công trình Thủy điện Bình Điền	3,173,572,052	3,155,578,534
Công trình San nền trạm Công an Tuyên Quang	-	33,038,753
Công trình Khu lắp ráp liên hợp Tuyên Quang	-	22,755,640
Công trình Nhà máy Xi măng Hạ Long	5,157,364,904	4,028,086,179
Công trình Trung tâm bưu chính KV2	1,382,592,570	1,382,592,570
Công trình Chung cư HH4	19,578,625,236	18,731,837,140
Công trình Trạm công an Tuyên Quang	12,750,000	139,583,459
Công trình Hoàn thiện Ngân hàng No Bắc Hà Nội	1,119,053,088	449,602,236
Công trình Trường CNKT Bắc Ninh	1,246,114,825	1,209,056,060
Công trình Đabaco II	3,951,726,849	3,880,757,167
Công trình Nhà máy phối thép Hải Phòng	12,297,589,050	9,146,809,550
Công trình Khách sạn Nàng Hương	5,589,024,869	7,039,492,560
Công trình Trụ sở Ngân hàng Láng Hạ	5,085,059,568	3,068,644,946
Công trình CT1 - Hoàng Văn Thụ	3,882,488,892	1,551,499,786
Công trình Thủy điện Nho Quế	26,158,430,846	30,047,425,556
Công trình nhà ở - Đô thị Văn Phú	4,122,861,973	3,279,178,559
Bệnh viện Trường Lâm	2,555,641,749	5,800,000
Công trình hội trường đa năng	5,251,688,143	2,518,496,720
Công trình Nhà máy phối thép Hải Phòng	-	2,842,471,743
Công trình nhà ở sinh viên Thái nguyên	1,185,322,470	2,604,000
Công trình khác	597,968,490	120,224,027
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>118,043,037,909</b>	<b>108,027,602,021</b>

**6. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thương hiệu	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
Mua trong năm	-	-
Tặng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2010</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>304,167,021</b>	<b>304,167,021</b>
Khấu hao trong năm	25,000,002	25,000,002
Tặng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
<b>Số dư ngày 30/06/2010</b>	<b>329,167,023</b>	<b>329,167,023</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>195,832,979</b>	<b>195,832,979</b>
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>170,832,977</b>	<b>170,832,977</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1,596,105,486	907,904,434
<i>Làm nền bãi kho trữ</i>	<i>492,619,047</i>	<i>492,619,047</i>
<i>Chi phí sửa chữa cải tạo Công ty</i>	<i>898,225,604</i>	<i>210,024,552</i>
<i>Khu xưởng Công ty</i>	<i>205,260,835</i>	<i>205,260,835</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,596,105,486</b>	<b>907,904,434</b>
8. Đầu tư dài hạn khác	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư dài hạn khác	13,676,750,000	11,676,750,000
<i>Hợp tác xã Phương Đông</i>	<i>3,500,000,000</i>	<i>3,500,000,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà</i>	<i>1,526,750,000</i>	<i>1,526,750,000</i>
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mỡ 3 - Lai Châu</i>	<i>8,650,000,000</i>	<i>6,650,000,000</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,676,750,000</b>	<b>11,676,750,000</b>
9. Chi phí trả trước dài hạn	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	1,499,066,355	620,355,421
<i>Công cụ, dụng cụ sản xuất</i>	<i>1,363,355,187</i>	<i>481,757,270</i>
<i>Công cụ, dụng cụ hành chính Chi nhánh</i>	<i>24,217,709</i>	<i>62,799,662</i>
<i>Công cụ, dụng cụ hành chính Văn phòng Công ty</i>	<i>111,493,459</i>	<i>75,798,489</i>
Chi phí sửa chữa xe văn phòng	464,954,809	464,954,809
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,964,021,164</b>	<b>1,085,310,230</b>
10. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay ngắn hạn	143,464,453,429	173,607,668,093
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng No &amp; PTNT Bắc Hà Nội - CN Kim Mã</i>	<i>99,969,115,573</i>	<i>83,895,208,202</i>
<i>Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam</i>	<i>20,715,337,856</i>	<i>24,796,000,000</i>
<i>Công ty Tài chính Sông Đà</i>	<i>22,780,000,000</i>	<i>64,916,459,891</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>143,464,453,429</b>	<b>173,607,668,093</b>
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2010
Thuế GTGT đầu ra	3,953,163,636	#####	3,038,652,308	3,513,536,367
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	566,092,313	734,791,770	345,198,316	955,685,767
Thuế thu nhập cá nhân	19,709,344	139,994,187	30,000,000	129,703,531
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	105,620,100	105,620,100	-
Các loại thuế khác	-	3,000,000	3,000,000	-
<b>Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>4,538,965,293</b>			<b>4,598,925,665</b>
<b>12. Chi phí phải trả</b>			<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trích trước chi phí công trình NMXM Hạ Long cho Công ty Phú Xuân			-	134,247,252
Trích trước chi phí Kinh phí thầu chính Công trình NMXM Hạ Long Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Công trình phụ trợ Tuyên Quang			859,993,242	859,993,242
			21,677,371	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>881,670,613</b>	<b>994,240,494</b>
<b>13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>			<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn			190,911,218	104,685,080
Bảo hiểm xã hội			219,771,664	283,468,900
Các khoản phải trả, phải nộp khác			619,751,218	262,458,593
<i>Quỹ SODACO</i>			53,538,851	52,025,858
<i>Tiền ủng hộ một ngày lương của CNV</i>			-	6,659,999
<i>Công trình Trung tâm điều hành thanh thiếu niên Hoà Bình</i>			-	2,595,128
<i>Đoàn phí công đoàn cơ quan</i>			27,340,569	27,786,069
<i>Phải trả tiền chia cổ tức</i>			7,130,000	15,670,000
<i>Bộ phận kinh doanh</i>			27,172,497	69,943,120
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>			18,611,590	86,033,608
<i>Tiền lương tạm giữ</i>			485,500,000	-
<i>BHXH thanh toán theo chế độ</i>			457,711	1,744,811
<b>Tổng cộng</b>			<b>1,030,434,100</b>	<b>650,612,573</b>
<b>14. Vay và nợ dài hạn</b>			<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<i>Lãi suất/tháng</i>		

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Vay dài hạn		11,583,050,307	11,579,810,488
	<i>3 tháng/1 lần</i>		
Ngân hàng No Bắc Hà Nội - Chi nhánh Kim Mã	<i>điều chỉnh %</i>	2,299,650,307	3,190,210,488
	<i>3 tháng/1 lần</i>		
Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Nan Định	<i>điều chỉnh %</i>	9,283,400,000	8,389,600,000
Nợ dài hạn		1,865,000,000	1,865,000,000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật cơ điện MEE	<i>Không tính lãi</i>	190,000,000	190,000,000
Công ty Cổ phần Xây dựng Viễn Đông (FARECO)	<i>Không tính lãi</i>	1,675,000,000	1,675,000,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>13,448,050,307</b>	<b>13,444,810,488</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	15,000,000,000	175,000,000	2,847,517,583	18,022,517,583
Tăng vốn trong kỳ này	13,000,000,000	#####	-	17,521,730,000
Lãi trong kỳ này	-	-	2,204,375,309	2,204,375,309
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(530,510,110)	(530,510,110)
Số dư tại ngày 30/06/2010	28,000,000,000	4,696,730,000	4,521,382,782	37,218,112,782

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

30/06/2010

01/01/2010

VND

VND

Vốn góp của Nhà nước	1,750,000,000	3,850,000,000
Vốn góp của Công ty Sông Đà 12	1,750,000,000	3,850,000,000
Vốn góp của các đối tượng khác	26,250,000,000	11,150,000,000

**Cộng**

28,000,000,000

15,000,000,000

\* Số lượng cổ phiếu quỹ:

359,200

215,600

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Kỳ hoạt động từ

Kỳ hoạt động từ

01/01/2010 đến

01/01/2009 đến

30/06/2010

30/06/2009

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	28,000,000,000	15,000,000,000
Vốn góp đầu kỳ	15,000,000,000	15,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	13,000,000,000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	28,000,000,000	15,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25,380,000	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

đ) Cổ phiếu	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2,800,000	2,500,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2,800,000	1,500,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,800,000	1,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	359,200	100,000
- Cổ phiếu phổ thông	359,200	215,600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2,440,800	1,400,000
- Cổ phiếu phổ thông	2,440,800	1,400,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2010	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 30/06/2010
	Quỹ đầu tư phát triển	2,169,378,312	219,220,879	-
Quỹ dự phòng tài chính	485,719,886	219,220,879	-	704,940,765
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,655,098,198</b>	<b>438,441,758</b>	<b>-</b>	<b>3,093,539,956</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm bằng 5% từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng	45,410,224,615	74,722,580,050
<i>Kinh doanh xi măng</i>	<i>9,598,998,545</i>	<i>7,234,540,818</i>
<i>Kinh doanh thép xây dựng</i>	<i>35,811,226,070</i>	<i>67,488,039,232</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28,112,879	623,172,818
<i>Thuê kho và dịch vụ khác</i>	<i>28,112,879</i>	<i>526,809,182</i>
<i>Tư vấn thiết kế</i>	<i>-</i>	<i>96,363,636</i>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Doanh thu hợp đồng xây dựng	103,055,854,481	55,123,315,240
<i>Công trình Thủy điện Bình Điền</i>	-	1,988,242,732
<i>Công trình Nhà máy xi măng Hạ Long</i>	-	2,495,266,833
<i>Công trình toà nhà hỗn hợp HH4</i>	14,324,101,430	5,211,243,708
<i>Công trình TTHĐ TTN Hoà Bình</i>	-	619,740,545
<i>Công trình kiến trúc nhà máy TĐTQ.</i>	-	4,366,464,069
<i>Công trình DABACO II</i>	-	772,540,909
<i>Nhà máy SSK Hải Dương</i>	-	53,346,000
<i>Công trình Trường trung cấp nghề Bắc Ninh</i>	-	710,989,091
<i>Công trình Phối thép Hải Phòng</i>	1,619,384,343	138,527,273
<i>Công trình Nhà ở Văn Phú</i>	1,913,847,582	-
<i>Công trình Hoàng Văn Thụ</i>	678,057,273	4,359,799,818
<i>Công trình Thủy điện Nho Quế</i>	51,896,098,105	-
<i>Công trình Khách sạn Nàng Hương</i>	10,876,420,630	13,003,557,031
<i>Công trình thủy điện Nậm Mỏ</i>	10,898,434,200	13,939,102,669
<i>Công trình Thanh thiếu niên Tuyên Quang</i>	2,776,431,818	3,720,733,636
<i>Công trình Kim Bình</i>	1,291,166,364	3,228,475,455
<i>Công trình Trạm công an</i>	296,471,240	515,285,471
<i>Công trình nhà ở sinh viên</i>	1,272,474,517	-
<i>Công trình Nhà điều hành Tuyên Quang</i>	5,212,966,979	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>148,494,191,975</b>	<b>130,469,068,108</b>
<b>17. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Chiết khấu thương mại	-	12,514,600
Giảm giá hàng bán	-	297,362,819
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>309,877,419</b>
<b>18. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	45,410,224,615	74,412,702,631
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	28,112,879	623,172,818
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	103,055,854,481	55,123,315,240
<b>Tổng cộng</b>	<b>148,494,191,975</b>	<b>130,159,190,689</b>
<b>19. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	44,629,097,004	74,502,770,710
<i>Kinh doanh xi măng</i>	<i>8,851,697,152</i>	<i>6,465,887,022</i>
<i>Kinh doanh xi thép</i>	<i>35,777,399,852</i>	<i>68,036,883,688</i>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	623,172,818
<i>Thuê kho và dịch vụ khác</i>	-	<i>526,809,182</i>
<i>Tư vấn thiết kế</i>	-	<i>96,363,636</i>
Giá vốn xây dựng	94,322,712,961	45,445,740,580
<i>Công trình Thủy điện Bình Điền</i>	-	<i>1,778,498,810</i>
<i>Công trình Nhà máy xi măng Hạ Long</i>	-	<i>1,861,290,951</i>
<i>Công trình Toà nhà hỗn hợp HH4.</i>	<i>12,507,637,990</i>	<i>4,221,492,760</i>
<i>Công trình TTHĐ TTN Hoà Bình</i>	-	<i>582,556,112</i>
<i>Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh</i>	-	<i>615,660,596</i>
<i>Công trình Kiến trúc nhà máy Thủy điện Tuyên Quang</i>	-	<i>3,445,664,346</i>
<i>Công trình DABACO II</i>	-	<i>459,164,223</i>
<i>Nhà máy SSK Hải Dương</i>	-	<i>53,346,000</i>
<i>Công trình Phôi thép Hải Phòng</i>	<i>1,386,556,682</i>	<i>138,527,273</i>
<i>Công trình Nhà ở Văn Phú</i>	<i>1,764,947,606</i>	-
<i>Công trình Hoàng Văn Thụ</i>	<i>440,497,432</i>	<i>4,025,597,994</i>
<i>Công trình Thủy điện Nho Quế</i>	<i>48,793,620,473</i>	-
<i>Công trình Khách sạn Nàng Hương</i>	<i>10,209,889,423</i>	<i>10,818,044,665</i>
<i>Công trình thủy điện Nậm Mờ</i>	<i>9,295,761,610</i>	<i>11,040,497,989</i>
<i>Công trình Thanh thiếu niên Tuyên Quang</i>	<i>2,486,493,795</i>	<i>3,373,771,270</i>
<i>Công trình Kim Bình</i>	<i>1,067,120,330</i>	<i>2,583,930,135</i>
<i>Công trình Trạm công an</i>	<i>245,628,249</i>	<i>447,697,456</i>
<i>Công trình nhà ở sinh viên</i>	<i>1,140,962,940</i>	-
<i>Công trình Nhà điều hành Tuyên Quang</i>	<i>4,983,596,431</i>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>138,951,809,965</b>	<b>120,571,684,108</b>
<b>20. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,019,389,085	265,468,270
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,019,389,085</b>	<b>265,468,270</b>
<b>21. Chi phí tài chính</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Lãi tiền vay	6,292,835,701	5,041,841,602
<b>Tổng cộng</b>	<b>6,292,835,701</b>	<b>5,041,841,602</b>
<b>22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	152,829,159,605	130,429,658,959
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	149,889,992,526	128,393,640,491
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2,939,167,079	2,036,018,468
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	734,791,770	509,004,617
Số thuế TNDN đã được điều chỉnh giảm 50% theo thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ tài chính.	-	(254,502,309)
Số thuế TNDN đã được điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN quý 4/2008 theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2008 của Bộ tài chính.	-	(54,972,499)
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	734,791,770	199,529,810
<b>Tổng cộng</b>	<b>734,791,770</b>	<b>199,529,810</b>
<b>23. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71,921,490,224	30,147,974,331
Chi phí nhân công	18,484,301,183	10,495,237,687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,050,516,290	1,078,666,008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17,351,592,575	7,205,970,764
Chi phí khác bằng tiền	7,429,222,638	5,189,232,440
<b>Tổng cộng</b>	<b>118,237,122,910</b>	<b>54,117,081,230</b>
<b>VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
<b>24. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
a) Chuyển công nợ phải thu sang đầu tư vào công ty liên kết	2,000,000,000	-

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

<b>1.1 Giao dịch với các bên liên quan</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Bán hàng cho Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ	11,988,277,620	15,333,012,935
<b>1.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Lương	348,412,870	312,660,328
Tiền thưởng	-	11,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>348,412,870</b>	<b>324,160,328</b>
<b>2. Những thông tin khác</b>		
<b>2.1 Phải thu của khách hàng</b>	<b>30/06/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
Ban điều hành Thủy điện Tuyên Quang	1,452,272,236	5,046,165,328
Ban quản lý Công trình CT1-Hoàng Văn Thụ	1,095,226,800	8,643,163,800
Công ty Cổ phần Nội thất và Kiến trúc Phương Đông	1,644,854,840	-
Ban quản lý Công trình Nhà ở Sinh viên Thái Nguyên	153,634,856	1,673,386,266
Ban quản lý Công trình Thủy điện Nậm Mờ	14,114,901,232	12,578,869,612
Ban quản lý Công trình Học viện thanh thiếu niên Việt Nam	559,766,000	559,766,000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	6,347,076,117	9,287,447,956
Ban quản lý Công trình khăn quàng đỏ	156,420,476	156,420,476
Ban quản lý các dự án Hà Nội - Công trình CT6	71,384,344	71,384,344
Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh - DabacoII	253,294,000	1,053,294,000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA)	406,787,363	406,787,363
Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần Thủy điện Bnh Điền	5,430,639,196	5,430,639,196
Bảo hiểm Xã hội Nghệ An	647,986,000	647,986,000
Ban quản lý Công trình Trung tâm điều hành TTN Tỉnh Hoà Bình	741,714,600	741,714,600
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 8	795,279,849	795,279,849
Công ty TNHH Bê tông READYMIX	4,700,714,395	9,087,070,078
Ban quản lý Công trình Thanh, Thiếu niên Tuyên Quang	7,521,869,673	10,413,053,673
Ban quản lý Công trình Trường trung cấp nghề BN	333,604,500	333,604,500
Ban quản lý Công trình Nhà khách Kim Bình	2,668,207,000	15,597,924,000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Hà Nội	-	1,764,005,407
Ban quản lý Công trình Tòa nhà HH4	2,422,893,517	1,028,020,697
Ban quản lý Công trình Khách sạn Nàng Hương (CTXL Điện I)	5,777,865,418	7,086,198,354
Công ty Cổ phần Bitexco Nho Quế	13,657,806,608	
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	2,986,137,615	4,682,852,190
Xí nghiệp 1 - Công ty Sông Đà 27	-	17,775,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Xây dựng 208	874,646,061	874,646,061
Công ty TNHH Bông xen trắng	200,795,200	200,795,200
Ban chỉ đạo Tây Bắc	6,400,000	6,400,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	1,094,723,066	-
Công ty Cổ phần Hằng Hà (CT Bệnh viện Trường Lâm)	9,312,843,000	9,312,843,000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Sinh	1,110,000,000	1,137,911,400
Công ty TNHH Thương mại Đức Hòa	1,126,040,000	1,126,040,000
Ban điều hành Thủy điện Tuyên Quang	1,649,020,391	1,680,875,162
Xí nghiệp Sông Đà 502	94,054,677	94,054,677
Trung tâm tiêu thụ Xi măng Hải Phòng	1,362,086,850	662,872,650
Công ty TNHH bê tông READYMIX (Tạm Hải Phòng)	-	290,599,600
Công ty Thương mại dịch vụ và Đầu tư Hưng Thái	108,299,750	108,299,750
Chi nhánh HTX Vận tải ô tô Tân Phú	147,401,194	6,899,052,516
Các đối tượng khác	938,128,693	756,529,079
<b>Tổng cộng</b>	<b>91,964,775,517</b>	<b>120,253,727,784</b>
<b>2.2 Trả trước cho người bán</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Vạn Sinh	820,000,000	1,893,560,172
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại kỹ thuật Hà Nội	618,776,360	618,776,360
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Tiến	1,752,158,000	1,001,233,000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại tổng hợp Truyền Phương	-	500,000,000
Công ty Cổ phần Xây dựng 208	200,000,000	200,000,000
Công ty TNHH Bông sen trắng	100,000,000	100,000,000
Công ty KTCĐ MEE	200,000,000	200,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư thiết bị điện Trùng Phát	520,000,000	520,000,000
Công ty Chế tạo máy xây dựng và KTM Hòa Phát	-	960,000,000
Công ty Xăng dầu Hà Giang	600,000,000	-
Công ty Cổ phần Thép An Huy	5,386,500,000	-
Đối tượng khác	5,651,768,644	2,910,865,611
<b>Tổng cộng</b>	<b>15,849,203,004</b>	<b>8,904,435,143</b>
<b>2.3 Phải trả người bán</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Phương Đông	1,013,995,084	-
Công ty TNHH Sản xuất và lắp đặt cửa nhôm kính CND	3,016,358,880	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	5,337,851,359	6,678,815,629
Công ty Cổ phần Thép An Huy	471,169,050	3,265,695,288
Ban điều hành dự án Nhà máy xi măng Hạ Long	2,978,493,468	2,978,493,468
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Thương mại Hòa Phát	1,115,250,000	-
Công ty TNHH Cường Thịnh	3,294,093,591	-
Công ty Cổ phần Nội thất và Kiến trúc Phương Đông	4,150,868,377	2,637,210,794
Công ty TNHH J.B.C	-	1,700,000,000
Đối tượng khác	16,574,845,714	29,798,503,281

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

<b>Tổng cộng</b>	<b>37,952,925,523</b>	<b>47,058,718,460</b>
<b>2.4 Người mua trả tiền trước</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban quản lý công trình - Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mỏ	11,031,319,000	11,031,319,000
Ban điều hành Dự án Nhà máy Xi măng Hạ Long	1,238,188,743	788,188,743
Công ty Bru chính liên tỉnh và quốc tế	1,472,000,000	1,472,000,000
Ban quản lý dự án toà nhà HH4	1,328,183,000	6,643,699,000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Láng Hạ (Trung tâm dự liệu)	4,847,432,000	3,395,432,000
Cục Hải quan Lạng Sơn	815,118,000	-
Ban quản lý dự án - Công ty Cổ phần thép Việt Ý	4,344,000,000	3,344,000,000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đông Thiên Phú	100,000,000	100,000,000
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	8,452,805,551	3,468,389,237
Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	1,124,107,000	1,124,107,000
Ban quản lý công trình nhà ở sinh viên Thái Nguyên	837,029,079	1,816,834,458
Công ty Cổ phần BITECO Nho Quế	52,538,034,669	45,626,316,162
Công ty Cổ phần Hằng Hà	61,000,000,000	24,420,000,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	5,615,000,000	5,615,000,000
Đối tượng khác	548,530,225	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>155,291,747,267</b>	<b>108,845,285,600</b>
<b>2.5 Chi phí bán hàng</b>	<b>Kỳ hoạt động từ</b>	<b>Kỳ hoạt động từ</b>
	<b>01/01/2010 đến</b>	<b>01/01/2009 đến</b>
	<b>30/06/2010</b>	<b>30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	137,409,912	93,927,975
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2,020,735	1,557,846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,430,092	12,352,975
Chi phí bằng tiền khác	364,476,365	400,511,910
<b>Tổng cộng</b>	<b>513,337,104</b>	<b>508,350,706</b>
<b>2.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Kỳ hoạt động từ</b>	<b>Kỳ hoạt động từ</b>
	<b>01/01/2010 đến</b>	<b>01/01/2009 đến</b>
	<b>30/06/2010</b>	<b>30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2,010,595,103	724,632,382
Chi phí vật liệu quản lý	7,128,320	126,598,008
Chi phí đồ dùng văn phòng	53,823,562	82,740,503
Chi phí khấu hao TSCĐ	123,095,028	13,020,850
Thuế, phí và lệ phí	108,620,100	213,046,313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,172,221,561	573,485,581
Chi phí bằng tiền khác	518,757,371	538,240,438

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

<b>Tổng cộng</b>	<b>3,994,241,045</b>	<b>2,271,764,075</b>
<b>2.7 Thu nhập khác</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Thu từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	236,363,636	5,000,000
Tiền thu cho thuê kho	79,214,909	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>315,578,545</b>	<b>5,000,000</b>
<b>2.8 Chi phí khác</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Thanh lý TSCĐ	137,768,711	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>137,768,711</b>	<b>-</b>
<b>2.9 Thông tin so sánh</b>		

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 do Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà. Một số số liệu được phân loại lại theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2010

**Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà**  
**Giám đốc**

**Người lập****Kế toán trưởng****Nguyễn Khắc Thuận****Nguyễn Tiến Mạnh****Dương Văn Báu**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**3. Những thông tin khác****2.10 Phải thu của khách hàng**

	01/01/2010 đến VND	01/01/2009 đến VND
Ban điều hành Thủy điện Tuyên Quang	5,068,609,078	2,615,110,700
Ban quản lý Công trình CT1-Hoàng Văn Thụ	8,643,163,800	-
Ban quản lý Công trình Nhà ở Sinh viên Thái Nguyên	1,673,386,266	-
Ban quản lý Công trình Thủy điện Nậm Mỡ	12,578,869,612	-
Ban quản lý Công trình - Công ty Nông sản Bắc Ninh	-	192,900,000
Ban quản lý Công trình Học viện thanh thiếu niên Việt Nam	559,766,000	959,766,000
Ban quản lý Công trình Nhà máy CBTA thủy sản	-	1,026,108,000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	9,287,447,956	17,262,085,929
Ban quản lý Công trình si lô mở rộng Nhà máy thức ăn gia súc	-	1,108,686,000
Ban quản lý Công trình khăn quàng đỏ	156,420,476	156,420,476
Ban quản lý dự án cải tạo trụ sở cơ quan Trung ương Đoàn	122,075,000	122,075,000
Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Thạch	91,660,332	91,660,332
Ban quản lý Công trình Tiên Du	25,288,000	25,288,000
Ban quản lý các dự án Hà Nội - Công trình CT6	71,384,344	71,384,344
Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh - DabacoII	1,053,294,000	207,328,000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA)	406,787,363	406,787,363
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	961,818,680
Ban quản lý dự án Công ty Cổ phần Thủy điện Bnh Điền	5,430,639,196	5,838,484,215
Bảo hiểm Xã hội Nghệ An	647,986,000	592,392,000
Ban quản lý Công trình Trung tâm điều hành TTN Tỉnh Hoà Bình	741,714,600	60,000,000
Ban quản lý Trường phổ thông trung học Hàn Thuyên	-	432,688,000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	12,874,393
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 8	795,279,849	1,133,001,243
Công ty TNHH Bê tông READYMIX	9,087,070,078	9,068,167,853
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ	-	3,656,078,960
Ban quản lý Công trình Thanh, Thiếu niên Tuyên Quang	10,413,053,673	293,574,673
Ban quản lý Công trình Trường trung cấp nghề BN	333,604,500	372,016,500
Ban quản lý Công trình Nhà khách Kim Bình	15,597,924,000	2,528,504,000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Hà Nội	1,764,005,407	3,848,310,289
Ban quản lý Công trình Trung tâm hoạt động và giao lưu KQĐ	-	759,628,000
Ban quản lý Công trình Silô DABACO II	-	1,550,165,000
Ban quản lý Công trình Tòa nhà HH4	1,028,020,697	-
Ban quản lý Công trình Khách sạn Nàng Hương (CTXL Điện I)	7,086,198,354	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	5,776,068,451	3,030,048,315
Ban chỉ đạo Tây Bắc	6,400,000	153,681,000
Công ty Cổ phần Hằng Hà (CT Bệnh viện Trường Lâm)	9,312,843,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Sinh	1,137,911,400	1,137,911,400
Công ty TNHH Thương mại Đức Hòa	1,126,040,000	2,086,040,000
Ban điều hành Thủy điện Tuyên Quang	1,680,875,162	139,623,063
Xí nghiệp Sông Đà 502	94,054,677	94,054,677
Trung tâm tiêu thụ Xi măng Hải Phòng	662,872,650	-
Công ty TNHH bê tông READYMIX (Trạm Hải Phòng)	290,599,600	1,020,690,160
Công ty Thương mại dịch vụ và Đầu tư Hưng Thái	108,299,750	148,299,750
Công ty TNHH Gia sản Minh Hoàng	-	33,321,000
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	-	3,653,364,749
Chi nhánh HTX Vận tải ô tô Tân Phú	6,899,052,516	-
Đối tượng khác	495,061,997	278,247,979

**Tổng cộng**

**120,253,727,784 67,128,586,043**

**2.11 Trả trước cho người bán**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Sơn KOVA	5,115,000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Yên Châu	30,000,000	30,000,000
Công ty TNHH Xây dựng thương mại Cao Anh	121,000,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Vạn Sinh	1,893,560,172	-
Công ty Đầu tư Xây dựng Thương mại Đăng Quang	480,000,000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng	1,300,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ xây dựng Tứ Hải	20,000,000	-
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	45,000,000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tâm Long	74,457,000	-
Công ty Cổ phần Việt Vàng	337,000,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại kỹ thuật Hà Nội	618,776,360	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Nam Tín	147,454,164	-
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Tiến	1,001,233,000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng HTKT Việt Nam	150,000,000	-
Công ty TNHH Kèo Trịn	97,500,000	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Chi nhánh Điện thị xã Tuyên Quang	5,000,000	5,000,000
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Xây dựng Tiến Thành	170,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư xây dựng Tiến Thành	300,000,000	-
Công ty TNHH Sông Thương	147,004,616	147,004,616
Công ty Vật tư thiết bị và Xây dựng Sơn Tùng	15,000,000	15,000,000
Công ty Địa chính Hà Nội	3,400,000	3,400,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Phương Nam	-	522,390,000
Cửa hàng Lý Thị Thu Hà	57,000,000	57,000,000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn quản lý dự án Hà Nội	-	260,000,000
Công ty Cổ phần Trung tâm kiến trúc AC	-	70,000,000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	-	5,178,751
Công ty Cổ phần Bắc Sơn	87,000,000	87,000,000
Công ty TNHH Thương mại tổng hợp Than Uyên	71,515,194	331,788,970
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại tổng hợp Truyền Phương	500,000,000	-
Công ty Lắp máy điện nước	-	52,500,000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	400,000,000
Công ty Việt Bắc	30,090,000	116,550,000
Công ty TNHH Vật tư và Dịch vụ Thành Đô	-	140,750,400
Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến	115,000	50,000,000
Công ty TNHH Thương mại Uyên Cường	35,142,793	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Yên Châu	50,000,000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Minh Đức	134,904,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Toàn Hạnh	10,867,844	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 208	200,000,000	-
Công ty TNHH Bông sen trắng	100,000,000	-
Ngô Đăng Dung	96,000,000	-
Công ty KTCĐ MEE	200,000,000	-
Công ty TNHH Đăng Quang	44,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư thiết bị điện Trùng Phát	520,000,000	-
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	95,000,000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	50,000,000	-
Công ty Chế tạo máy xây dựng và KTM Hòa Phát	960,000,000	-
Xí nghiệp Chế biến lâm sản Tiên Phong	-	79,798,000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng công trình Thăng Long	-	70,000,000
Công ty TNHH Thương mại và In Việt Tiến	-	155,000,000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật cơ điện MEE	-	300,531,923
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Quang	-	104,000,000
Công ty TNHH Lâm sản vật tư xây dựng Hải Hà	-	553,848,637
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thiên Hà	-	50,000,000
Công ty TNHH Tùng Anh	-	30,000,000
Công ty TNHH Tân Thiên Trường	-	30,000,000

**Tổng cộng**

**8,904,435,143**

**3,666,741,297**

**2.12 Tài sản ngắn hạn khác**

**30/06/2010**

**01/01/2010**

**VND**

**VND**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Tạm ứng	16,528,538,242	16,043,387,591
Vũ Hữu Diệm	602,565,144	1,119,793,060
Hoàng Minh Chính	781,200,000	761,200,000
Kiều Anh Tuấn	2,008,000,000	123,420,000
Nguyễn Khắc Thuận	-	225,490,660
Trần Thế Sơn	189,010,385	116,914,295
Nguyễn Thế Hùng	42,103,062	51,103,062
Trần Thanh Tùng	10,000,000	10,000,000
Nguyễn Văn Tiến	-	6,382,534
Nguyễn Hữu Hát	94,139,243	-
Dương Quang Động	55,421,052	-
Bùi Nhật An	94,650,000	4,000,000
Trần Văn Phương	-	14,800,000
Nguyễn Văn Đông	145,800,000	145,800,000
Phạm Văn Hiệu	33,691,105	428,339,704
Nguyễn Đức Long	734,903,820	350,000,000
Nguyễn Ngọc Sơn	1,540,948,422	1,322,533,422
Đào Sỹ Lục	-	46,930,011
Nguyễn Tiến Hùng	1,168,943,923	2,970,960,327
Nguyễn Hữu Tâm	50,000,000	-
Chu Văn Công	32,429,305	56,351,055
Nguyễn Khắc Thụ	-	212,273,946
Nguyễn Đức Lâm	58,167,500	124,000,000
Hoàng Ngọc Thanh	51,234,461	10,350,968
Nguyễn Ngọc Vinh	23,000,000	23,000,000
Lê Văn Ngoan	432,539,620	418,039,620
Phạm Hồng Hạnh	-	10,320,643
Hoàng Chính Hữu	45,000,000	10,000,000
Phạm Thanh Hải	37,623,750	64,460,823
Phương Quốc Vĩnh	42,517,496	-
Hoàng Đức Hậu	1,474,562,115	1,708,132,141
Nguyễn Tiến Mạnh	-	300,000,000
Mai Thị Huệ	190,000,000	190,000,000
Nguyễn Thị Thu	-	150,000,000
Nguyễn Khắc Thuận	-	50,000,000
Lê Thị Kim Dung	150,000,000	250,000,000
Phạm Thanh Hải	17,792,000	17,792,000
Trần Thị Liên	10,000,000	10,000,000
Nguyễn Thế Hùng	-	18,000,000
Phan Thúc Ngân	-	22,000,000
Phạm Thanh Hải	738,910,000	400,000,000
Nguyễn Hoài Nam	1,872,000	28,396,000
Nguyễn Đức Long	2,175,392,904	1,072,903,820
Phạm Văn Hiệu	985,539,124	958,907,854
Nguyễn Đại Lưu	390,000,000	650,000,000
Hoàng Văn Lương	-	10,000,000
Trần Ngọc Thái	-	10,000,000
Nguyễn Hồng Minh	128,000,000	350,000,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Nguyễn Mạnh Tường	-	112,757,793
Nguyễn Thanh Trung	728,748,966	120,910,689
Đào Sỹ Lâm	37,340,000	93,000,000
Tạ Hải	329,023,006	120,000,000
Đặng Minh Châu	-	140,400,000
Nguyễn Thị Lý	-	222,422,627
Bùi Đình Minh	108,745,090	-
Đào Tăng Vũ	100,000,000	-
Nguyễn Văn Tâm	200,000,000	-
Nguyễn Trần Hiếu	39,100,000	-
Vũ Thị Châm	45,809,140	-
Tạ Đức	350,000,000	-
Đối tượng khác	53,815,609	411,300,537
<b>Tổng cộng</b>	<b>16,528,538,242</b>	<b>16,043,387,591</b>

**2.13 Phải trả người bán**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Việt	62,726,902	62,726,902
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn QLDA Hà Nội	80,463,523	80,463,523
Công ty TNHH Hoàn thiện An Hải	561,383,640	660,119,700
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư xây dựng An Hải	530,000,000	-
Công ty TNHH Công nghệ Châu Âu	389,846,868	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hùng Đại Dương	-	182,541,200
Công ty Chế tạo thiết bị và đóng tàu Hải Phòng	662,479,727	662,479,727
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng Đại Mỹ	167,780,876	167,780,876
Ban quản lý Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mờ	144,541,293	-
Xí nghiệp Sông Đà 12-3	-	1,608,925,492
Xí nghiệp Sông Đà 12-5	-	497,465,042
Chi nhánh Sông Đà 11.5	5,463,920	-
Chi nhánh Sông Đà 904	116,109,079	-
Công ty TNHH Duy Anh	338,388,650	-
Công ty TNHH Đại Việt	109,354,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đức Nguyên	65,697,100	-
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Phương Đông	18,191,240	-
Công ty TNHH Hải Quang	42,600,000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi và Cơ sở hạ tầng Tỉnh Yên Bái	100,858,622	770,858,622
Công ty TNHH Lâm sản Vật tư Xây dựng Hải Hà	570,935,550	6,006,000
Công ty TNHH NN Một thành viên Sông Đà 1	137,345,138	333,673,210
Công ty Sản xuất và Thương mại Minh Tiến	19,996,200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Bắc	102,650,000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	6,678,815,629	15,440,624,856
Công ty Cổ phần An Huy	585,208,000	732,285,699
Công ty Cổ phần Thép An Huy	3,265,695,288	-
Công ty TNHH Sản xuất Xây dựng Thương mại Tân Tây Á	-	98,829,570
Công ty Cổ phần Cơ giới Xây dựng 17	-	51,041,175

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH thiết bị điện Trung Hiếu	-	169,448,690
Công ty TNHH Quyết Hùng	220,000,000	220,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sông Đà	296,908,268	375,698,400
Công ty hữu hạn XM LUKS	269,455,290	469,455,290
Hợp tác xã Xuân Long	-	77,310,000
Công ty Sản xuất Xây dựng và Dịch vụ Đại An	320,757,159	697,387,711
Công ty XDCT hàng không AAC - Chi nhánh TPHCM	122,805,340	272,805,340
Công ty Cổ phần Thương mại tổng hợp An Phú	-	1,110,516,070
Công ty TNHH thương mại và Sản xuất Tân Vượng	339,530,008	102,289,013
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Lương	23,675,000	23,675,000
Trung tâm tiêu thụ Xi măng Hải Phòng	-	411,829,674
Công ty Cổ phần Việt Hưng Phát	26,500,000	26,500,000
Công ty THNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng Gia Minh	-	36,671,498
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại tổng hợp Truyền Phương	186,994,353	633,869,353
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi và Cơ sở hạ tầng Yên Bái	292,478,062	1,954,998,262
Công ty Cổ phần Xây lắp giao thông công chính	299,354,672	849,354,672
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vạn Sinh	2,627,111,722	226,691,828
Trung tâm Chuyển giao công nghệ	945,250,000	99,492,000
Xí nghiệp Vận tải xây dựng và Thương mại Anh Ngọc	-	41,424,000
Công ty TNHH Hồng Thuật	-	310,773,232
Công ty TNHH Mai Linh	27,000,000	27,000,000
Ban điều hành dự án Nhà máy xi măng Hạ Long	2,458,334,378	500,146,587
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	99,666,000	-
Công ty Cổ phần Hồng Cẩm	29,094,000	29,094,000
Công ty Cổ phần Hòa Bình	205,200,000	16,000,000
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng hoàn thiện Sao Việt	-	40,980,325
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng nam Hà Nội	88,816,610	88,816,610
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn quản lý dự án Hà Nội	34,130,712	-
Công ty Cổ phần Trung tâm kiến trúc AC	100,376,000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Vên Châu	62,370,000	-
Công ty TNHH Thương mại in Việt Tiến	82,337,565	-
Công ty TNHHMTV Đồng Tâm B3P	810,870,040	-
Công ty Cổ phần Hanel MIROLIN	47,200,000	-
Công ty TNHH Quỳnh Anh	730,500,264	1,330,500,264
Công ty Việt Bắc	-	54,730,000
Công ty Cổ phần BIFI	-	82,500,000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Tân Quang Minh	-	21,993,600
Doanh nghiệp tư nhân Đức Cường	-	12,877,500
Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu Minh Đức	-	46,077,683
Công ty TNHH Vật tư xây dựng Hải Hà	-	211,946,130
Công ty TNHH Hùng Giang	74,964,000	95,900,000
Công ty Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam	108,908,500	108,908,500
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn Kinh Bắc	-	23,069,500
Công ty Xây dựng và Thương mại Trường An	-	67,380,000
Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi	-	62,883,807
Xí nghiệp Cổ phần Tân Tiến	219,750,003	93,357,500
Công ty TNHH Hưng Thái Hà	784,553,650	-
Công ty TNHH Thương mại Kết Hiền	265,897,800	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Tân Phú Bình	395,916,906	-
Công ty TNHH Toàn Thắng Hữu Nghị	-	131,550,000
Công ty TNHH Xây dựng vật tư vận tải Phú Xuân	31,904,650	31,904,650
Chi nhánh Công ty Cổ phần cơ khí lắp máy Sông Đà (SOMEKO)	-	133,320,656
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn thí nghiệm Sông Đà	38,808,505	100,304,371
Công ty Thiết bị phòng cháy chữa cháy Nghệ An	20,677,000	60,677,000
Công ty TNHH Đăng Quang	24,352,334	24,352,334
Công ty TNHH Thương mại và In Việt Tiến	64,440,709	208,686,630
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Tâm B3P	-	101,415,125
Công ty TNHH Vật tư-Thương mại-Xây dựng Hiếu Thuận	30,050,919	30,050,919
Công ty TNHH Phương Trang	136,601,840	386,601,840
Công ty TNHH Kều Trinh	-	35,000,000
Công ty TNHH VIKEMS-Chi nhánh Hà Nội	-	33,640,200
Công ty TNHH Tổ chức phát triển thương hiệu Việt Nam	-	23,100,000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Lương	-	23,675,000
Công ty TNHH Hùng Giang	-	78,664,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà - Việt Đức	-	27,487,500
Nhà máy Gạch tuynel Hợp Tiến	54,720,000	84,140,000
Công ty TNHH Bích Sơn	127,499,998	109,824,998
Công ty TNHH Thương mại Bình Minh	69,873,546	169,873,546
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	-	63,746,000
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Thương mại Hòa Phát	-	43,920,000
Công ty Cổ phần Bê tông Readymix Việt Nam	-	210,475,000
Công ty TNHH Hà Trang	-	84,150,000
Công ty Cổ phần Phương Long	828,620,447	795,606,520
Công ty TNHH Khoa học toàn cầu	62,870,750	62,870,750
Công ty TNHH Thiết bị Hà Anh	-	96,800,000
Công ty TNHH Tùng Anh	-	27,721,276
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng thương mại Đăng Quang	39,121,196	-
Công ty TNHH Việt Linh	35,865,000	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	267,475,650	-
Công ty Cổ phần Nội thất và Kiến trúc Phương Đông	2,637,210,794	-
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng bê tông Thịnh Vượng	114,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đại Phú	109,896,398	-
Công ty TNHH Nam Anh	94,765,000	-
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	95,000,000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng Cát Linh	401,660,925	-
Công ty TNHH Thương mại vật liệu xây dựng Thên Sơn	532,894,877	-
Doanh nghiệp tư nhân Việt Cường	180,000,072	-
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hoàng	47,998,500	-
Công ty TNHH Tổng hợp Than Uyên	68,714,360	-
Công ty TNHH Đăng Quang	131,640,673	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kinh Bắc	23,069,500	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú Quang	39,818,929	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim Khí	50,716,761	-
Viện vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng	405,187,040	-
Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Công Thành	421,046,808	-
Công ty TNHH Thương mại An Thắng	116,881,931	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH Phúc Tiến	81,425,000	-
Công ty TNHH Thương mại Đinh Phương	149,862,000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Thiên Hà	245,614,875	-
Công ty Đầu tư phát triển dịch vụ Dầu Khí	230,443,329	-
Công ty TNHH Minh Hằng	278,983,561	-
Công ty Đầu tư xây dựng thương mại và Dịch vụ Hạnh Ngân	44,980,600	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại tổng hợp Hương Giang	43,233,970	-
Công ty Xây dựng và Đầu tư thương mại Việt Hàn	833,304,397	-
Công ty Cổ phần SHT	507,385,305	-
Công ty Cổ phần Phan Anh	138,750,000	-
Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xúc tiến thương mại	50,457,000	-
Công ty TNHH Thiên Hòa An	112,650,000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu INOX Thiên Phú	55,200,000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư thiết kế nền móng công trình	2,284,099,615	-
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	326,812,200	-
Công ty TNHH J.B.C	1,700,000,000	-
Công ty Cổ phần kinh doanh xi măng Miền Bắc	176,140,000	-
Chi nhánh HTX Vận tải ô tô Tân Phú	90,895,542	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đại Dương	42,788,703	-
Đào Sĩ Lâm	-	14,642,036
Nguyễn Mạnh Tường	161,907,267	524,665,060
Nguyễn Thành Trung	-	150,809,049
Phương Quốc Vinh	-	51,879,617
Trần Văn Kiềm	26,020,174	26,020,174
Nguyễn Đức Long	25,210,876	25,210,876
Hoàng Ngọc Thanh	-	110,168,389
Dương Quang Động	18,517,673	18,517,673
Nguyễn Ngọc Sơn	1,677,277,639	605,578,495
Nguyễn Hữu Tâm	-	73,126,360
Nguyễn Thị Na	240,683,800	167,068,004
Phạm Thanh Hải	181,711,996	-
Tạ Hải	279,164,650	-
Nguyễn Xuân Đông	17,370,000	-
Phạm Văn Hiệu	1,433,651,990	-
Trần Văn Hòa	36,511,300	-
Đối tượng khác	390,883,249	105,720,415

**Tổng cộng**

**46,538,559,370**

**37,433,138,096**

**2.14 Người mua trả tiền trước**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban điều hành thủy điện Tuyên Quang	-	172,154,062
Ban quản lý công trình - Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Mỏ	11,031,319,000	11,031,319,000
Ban quản lý Công trình - Công ty NAKANO	-	31,600,486
Ban điều hành Dự án Nhà máy Xi măng Hạ Long	1,308,347,833	1,395,484,233
Ban quản lý Công trình nhà khách Kim Bình	-	2,607,223,000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

*(tiếp theo)*

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Hà Nội	-	2,311,672,249
Công ty Bru chính liên tỉnh và quốc tế	1,472,000,000	1,472,000,000
Ban quản lý dự án toà nhà HH4	6,643,699,000	6,628,183,000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Láng Hạ (Trung tâm dự liệu)	3,395,432,000	1,179,000,000
Trung tâm điều hành và giao lưu Khăn quàng đỏ	-	392,133,576
Ban quản lý dự án - Công ty Cổ phần thép Việt Ý	3,344,000,000	7,149,625,221
Ban quản lý công trình - Công ty Xây lắp điện I	-	3,000,000,000
Công ty Cổ phần tập đoàn Đông Thiên Phú	100,000,000	100,000,000
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	3,468,389,237	1,105,612,950
Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	1,124,107,000	-
Ban quản lý công trình nhà ở sinh viên Thái Nguyên	1,816,834,458	-
Công ty Cổ phần BITECO Nho Quế	45,626,316,162	-
Công ty Cổ phần Hằng Hà	24,420,000,000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	5,615,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>109,365,444,690</b>	<b>38,576,007,777</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: Số 37/464 tổ 34, cụm 4, Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội

Tel: (84) 04 3753 4070 Fax: (84) 04 3753 4070

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>995,004,433</b>	<b>22,503,777,796</b>	<b>12,475,767,418</b>	<b>97,252,134</b>	<b>36,071,801,781</b>
Mua trong kỳ	-	3,045,454,545	1,655,474,892	-	4,700,929,437
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(28,190,476)	(826,612,260)	-	(854,802,736)
<b>Số dư ngày 30/06/2010</b>	<b>995,004,433</b>	<b>25,521,041,865</b>	<b>13,304,630,050</b>	<b>97,252,134</b>	<b>39,917,928,482</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư ngày 01/01/2010</b>	<b>995,004,433</b>	<b>9,463,723,209</b>	<b>3,556,548,640</b>	<b>97,252,134</b>	<b>14,112,528,416</b>
Khấu hao trong kỳ	-	1,970,732,498	1,054,783,790	-	3,025,516,288
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(28,190,476)	(688,843,549)	-	(717,034,025)
<b>Số dư ngày 30/06/2010</b>	<b>995,004,433</b>	<b>11,406,265,231</b>	<b>3,922,488,881</b>	<b>97,252,134</b>	<b>16,421,010,679</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	-	<b>13,040,054,587</b>	<b>8,919,218,778</b>	-	<b>21,959,273,365</b>
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	-	<b>14,114,776,634</b>	<b>9,382,141,169</b>	-	<b>23,496,917,803</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.120.447.043 VND